

VOCABULARY TEST 16

Task 1: Multiple Choice Questions - Match the Vocabulary with Definitions

1. meeting a) v. tham gia
b) n. cuộc họp
c) v. thảo luận
d) n. đấu giá
2. discuss a) v. thảo luận
b) n. phê duyệt biên bản
c) v. đề xuất giải pháp
d) n. nêu vấn đề
3. maintenance department a) n. bộ phận bảo trì
b) n. các mục trong bản kế hoạch
c) n. vấn đề phát sinh
d) n. đấu giá
4. auction a) n. đấu giá
b) n. bỏ phiếu
c) v. hoãn
d) v. thảo luận
5. participate a) v. tham gia
b) v. đề xuất giải pháp
c) n. lịch trình
d) v. bỏ phiếu
6. items on the agenda a) n. các mục trong bản kế hoạch
b) n. động thái
c) n. phê duyệt biên bản
d) v. thảo luận
7. unanimous a) adj. nhất trí
b) n. cuộc họp
c) n. phê duyệt biên bản
d) v. hoãn
8. vote a) v. n. bỏ phiếu
b) n. lịch trình
c) v. đề xuất giải pháp
d) v. thảo luận
9. schedule a) n. lịch trình
b) v. hoãn
c) n. vấn đề phát sinh
d) n. động thái
10. matter arising a) n. vấn đề phát sinh
b) n. bỏ phiếu
c) n. đấu giá
d) v. tham gia
11. approval of the minutes a) n. phê duyệt biên bản
b) n. bộ phận bảo trì
c) n. các mục trong bản kế hoạch
d) v. thảo luận
12. propose solutions a) v. đề xuất giải pháp
b) v. thảo luận
c) n. cuộc họp
d) n. bỏ phiếu
13. raise issue a) n. nêu vấn đề
b) n. phê duyệt biên bản
c) n. lịch trình
d) n. vấn đề phát sinh
14. adjourn a) v. hoãn
b) v. đề xuất giải pháp
c) v. thảo luận
d) n. cuộc họp
15. ballot a) v. n. bỏ phiếu
b) n. động thái
c) v. hoãn
d) n. đấu giá

16. motion a) n. động thái

b) n. đầu giá

c) v. tham gia

d) v. đề xuất giải pháp

Task 2: Sentence Completion

Match a word from the first box with a word or phrase from the second box and use the phrases to complete the sentences below.

First Box:

propose / brainstorm / agenda / secret / motion

Second Box:

passed / a solution / ballot / ideas / items

Sentences:

1. This is a sensitive issue, so I think we should vote on it by _____.
2. Can anyone _____ to the parking problem? Any ideas at all?
3. I think we should _____ for a way to promote the new store.
4. I have several _____ to discuss so this may be a long meeting.
5. The _____ after a long discussion about the issue.

Task 3: Multiple Choice Questions

Choose the correct word to complete each sentence.

1. The _____ for the meeting was posted on the bulletin board. a) motion
b) schedule
c) vote
d) maintenance department
2. The team had to _____ the issue of the broken equipment. a) adjourn
b) raise
c) ballot
d) auction
3. After discussing the _____, they agreed to proceed with the project. a) motion
b) matter arising
c) auction
d) meeting
4. The _____ department fixed the air conditioning system. a) maintenance
b) auction
c) unanimous
d) ballot
5. The _____ was passed with a _____ vote. a) matter arising / unanimous
b) motion / unanimous
c) maintenance / schedule
d) auction / matter arising

Task 4: Translation

Translate the following sentences from English to Vietnamese.

1. The meeting was adjourned due to time constraints.

2. We need unanimous approval for the proposed solutions.
3. The maintenance department will handle the issue.
4. They raised the issue of delayed schedules.
5. The auction was scheduled for next week.

Task 5: Multiple Choice Questions - Synonym Matching

Choose the correct synonym for each word.

- | | | | | |
|----------------------|----------------|-------------|--------------------|------------|
| 1. Participate | a) join | b) discuss | c) vote | d) adjourn |
| 2. Vote | a) motion | b) ballot | c) schedule | d) approve |
| 3. Propose solutions | a) raise issue | b) discuss | c) suggest answers | d) adjourn |
| 4. Adjourn | a) pause | b) end | c) schedule | d) vote |
| 5. Unanimous | a) divided | b) complete | c) agreement | d) total |